

Số: 609 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 7 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên.

Căn cứ Điều 11, Mục 2 Chương II của Điều lệ trường đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định Hiệu trưởng trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021;

Xét đơn xin miễn, giảm học phí của sinh viên;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí cho **32** sinh viên có tên sau đây thuộc đối tượng miễn, giảm học phí quy định tại Chương III, Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Thời gian miễn, giảm học phí kể từ tháng 01/2019. Mức học phí miễn, giảm được căn cứ theo số tín chỉ quy định trong khối lượng chương trình đào tạo của Trường và quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung sẽ không được tính miễn học phí.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tài chính và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.CTSV.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Thị Thanh Hiền

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 44 ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Kèm theo Quyết định số: 609/QĐ- ĐHCT, ngày 7 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn, giảm
1	B1506987	Trần Thế Vinh	TN15V6A3	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
2	B1507540	Dương Thị Bích Nhan	ML15V9A2	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
3	B1606467	Thị Mỹ Duyên	MT16V4A1	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
4	B1701148	Neáng Chanh Ly	KT1720A1	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
5	B1702761	Son Văn Quí	TN1784A2	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
6	B1704148	Lâm Tuyết Ngưng	TS1782A2	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
7	B1708586	Khuru Thị Diễm Hương	MT17X7A2	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
8	B1800038	Hữu Hoàng Minh	LK1863A1	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
9	B1800128	Hứa Quốc Hậu	KH18T3A1	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
10	B1800131	Diệp Thị Mỹ Hồng	KH18T3A1	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
11	B1800144	Kiên Phúc Trường	KH18T3A2	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
12	B1801425	Nguyễn Thị Ngân Hà	KT1821A1	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
13	B1801501	Lưu Thị Diễm	KT1821A2	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
14	B1801950	Châu Quí Lâm	KT1823A1	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
15	B1802378	Lâm Thị Diễm Thanh	MT1825A2	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
16	B1803796	Thạch Lành	DA1866A3	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
17	B1804937	Thị Bích Khiêm	TS1882A1	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
18	B1805241	Triệu Ngọc Mỹ	TN1883A2	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
19	B1805773	Son Khải	DI1896A3	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
20	B1806727	Chiêm Vĩ Nhân	TN18T5A1	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
21	B1807243	Phạm Thành Đạt	TN18T7A4	Con Thương binh	100%
22	B1807309	Thạch Tấn Lộc	TN18T7A2	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
23	B1808414	Trần Thúy Vy	FL18V1A2	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
24	B1809472	Tiền Anh Kiệt	DI18V7A4	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
25	B1809530	Quách Thị Ngọc Trang	DI18V7A4	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
26	B1810813	Phan Thị Kiều My	XH18W7A1	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100%
27	B1810838	Kim Triệu Phương	XH18W7A1	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
28	B1810880	Nguyễn Kim Chi	XH18W7A2	Con Thương binh	100%
29	B1811158	Danh Phương	XH18W8A2	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
30	C1800064	Thạch Hoàng Ân	KT1820L1	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%
31	C1800164	Trần Thị Ngọc Trinh	LK1863L1	Con người nhiễm CĐHH	100%
32	C1800205	La Thúy Hà	LK1865L1	DTTS ở vùng kinh tế ĐBKK	70%

Danh sách gồm có **32** sinh viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ